

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

Báo cáo tài chính hợp nhất quý

Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Điều hành	2
Bảng cân đối kế toán hợp nhất quý	3 - 5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất quý	6
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất quý	7 - 8
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất quý	9
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất quý	10 - 34

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất quý của Công ty và công ty con (sau đây gọi chung là "Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ

Ban Điều hành của Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất quý cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất quý, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất quý, tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất quý và tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất quý. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất quý này, Ban Điều hành Công ty cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất quý; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất quý trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất quý của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đang áp dụng. Ban Điều hành Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Điều hành Công ty cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất quý kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Theo ý kiến của Ban Điều hành, báo cáo tài chính hợp nhất quý kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất quý của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 3 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất quý, tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất quý và tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất quý cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày 31 tháng 3 năm 2024 phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất quý.

Thay mặt Ban Điều hành:



Ông Tô Quốc Tuấn
Giám đốc Tài chính và Kế toán

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 20 tháng 4 năm 2024

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt ("Công ty"), trước đây là Công ty Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng Khoán An Phúc, là một công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005793 ngày 26 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Công ty được cấp giấy phép thành lập và hoạt động công ty quản lý quỹ lần đầu số 15/UBCK-GPHĐQLQ ngày 28 tháng 12 năm 2006 và giấy phép điều chỉnh gần nhất số 66/GPĐC-UBCK cấp ngày 22 tháng 8 năm 2023 bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Ngày 13 tháng 10 năm 2022, Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất (lần thứ nhất) để đăng ký thay đổi mã số doanh nghiệp thành 0304756863 vào ngày 13 tháng 10 năm 2022.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt ("TVS") được thành lập và hoạt động theo giấy phép số 36/UBCK-GPHĐKD ngày 25 tháng 12 năm 2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, đã mua 99,20% cổ phần của Công ty và trở thành công ty mẹ vào ngày 13 tháng 02 năm 2015. Tại ngày 19 tháng 11 năm 2020, TVS mua thêm 10.000.000 cổ phiếu phát hành riêng lẻ, tăng tỉ lệ sở hữu tại Công ty lên 99,84%.

Hoạt động chính của Công ty là thành lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán tại Việt Nam, tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư chứng khoán và quản lý danh mục đầu tư.

Công ty có trụ sở chính tại lầu 9, Tòa nhà Bitexco Nam Long, số 63A Võ Văn Tần, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty trong kỳ và tới ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất quý này gồm:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>
Bà Nguyễn Thanh Thảo	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 07 tháng 4 năm 2020
Ông Phạm Hồng Hải	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 8 năm 2023
Ông Ngô Nhật Minh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 8 năm 2023

TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và tới ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất quý này là Ông Trần Vinh Quang, tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 7 năm 2020.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và tới ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất quý này là bà Nguyễn Thanh Thảo - Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Ông Tô Quốc Tuấn - được ủy quyền ký báo cáo tài chính hợp nhất quý kèm theo cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024 theo Giấy Ủy quyền số 19072023/UQ-CTHĐQT ngày 19 tháng 7 năm 2023.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT QUÝ
tại ngày 31 tháng 3 năm 2024

B 01a-CTQ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 3 năm 2024 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		6.776.868.385.733	5.663.065.093.984
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	229.240.425.125	163.938.037.595
111	1. Tiền		26.240.425.125	63.938.037.595
112	2. Các khoản tương đương tiền		203.000.000.000	100.000.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	5	6.258.498.888.443	5.103.401.385.318
121	1. Đầu tư ngắn hạn		6.258.498.888.443	5.103.401.385.318
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		288.707.729.493	395.519.734.432
131	1. Phải thu khách hàng		5.574.409.967	44.194.666.421
132	2. Trả trước cho người bán		264.718.500	337.620.340
134	3. Phải thu hoạt động nghiệp vụ	6.1	9.858.871.457	13.707.806.101
135	4. Các khoản phải thu khác	6.2	273.009.729.569	337.279.641.570
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		421.342.672	205.936.639
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	7	265.564.239	136.448.630
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	15	155.778.433	69.488.009
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		2.142.908.611.300	1.913.456.178.485
220	I. Tài sản cố định		2.098.043.559	2.121.495.240
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	1.152.421.337	1.177.811.907
222	- Nguyên giá		1.298.806.999	1.266.307.000
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(146.385.662)	(88.495.093)
227	2. Tài sản cố định vô hình	9	945.622.222	726.683.333
228	- Nguyên giá		1.006.000.000	739.000.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(60.377.778)	(12.316.667)
230	3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	217.000.000
250	II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		2.134.188.701.516	1.909.218.077.700
258	1. Đầu tư dài hạn khác	10	2.134.188.701.516	1.909.218.077.700
260	III. Tài sản dài hạn khác		6.621.866.225	2.116.605.545
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	456.997.363	400.491.529
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	26.3	5.991.576.217	1.546.805.619
268	3. Tài sản dài hạn khác	12	173.292.645	169.308.397
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		8.919.776.997.033	7.576.521.272.469

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT QUÝ (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 3 năm 2024

B 01a-CTQ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 3 năm 2024 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		8.621.301.498.501	7.136.088.489.647
310	I. Nợ ngắn hạn		8.437.831.498.501	6.952.618.489.647
311	1. Vay ngắn hạn	13	-	8.000.000.000
312	2. Phải trả người bán	14	112.256.775.793	75.401.329.424
314	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	7.283.617.563	14.090.042.942
315	4. Phải trả người lao động		435.187.000	5.759.588.095
316	5. Chi phí phải trả	16	36.862.122.815	6.728.106.820
319	6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	17	8.265.884.550.624	6.830.661.693.777
323	7. Quỹ khen thưởng phúc lợi	18	14.501.176.762	5.671.167.193
328	8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		608.067.944	6.306.561.396
330	II. Nợ dài hạn		183.470.000.000	183.470.000.000
333	1. Phải trả dài hạn khác	17	100.000.000.000	100.000.000.000
334	2. Vay và nợ dài hạn	13	83.470.000.000	83.470.000.000
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	19	298.475.498.532	440.432.782.822
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		125.000.000.000	125.000.000.000
418	2. Quỹ dự phòng tài chính		1.755.891.311	1.755.891.311
419	3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		1.755.891.311	1.755.891.311
420	4. Lợi nhuận chưa phân phối		153.144.715.824	275.313.370.463
423	5. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	20	16.819.000.086	36.607.629.737
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		8.919.776.997.033	7.576.521.272.469

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT QUÝ (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 3 năm 2024

B 01a-CTQ

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT QUÝ

Mã số	CHỈ TIÊU		Ngày 31 tháng 3 năm 2024 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND
006	1. Chứng khoán lưu ký của công ty quản lý quỹ		33.325.000.000	33.325.000.000
007	- Chứng khoán giao dịch		33.325.000.000	33.325.000.000
030	Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	29	324.545.859.477	69.243.503.425
031	Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước		324.543.332.133	69.240.738.025
032	Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác nước ngoài		2.527.344	2.765.400
040	Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác		2.298.303.722.441	2.347.665.024.866
041	Nhà đầu tư ủy thác trong nước	30	2.295.905.871.006	2.345.267.173.431
042	Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài		2.397.851.435	2.397.851.435
050	Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	31	118.994.447.251	87.791.179.157
051	Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	32	18.109.709.960	15.694.130.937



Bà Phạm Uyên Vy
Người lập



Bà Nguyễn Thị Anh Tú
Kế toán trưởng



Ông Tô Quốc Tuấn
Giám đốc Tài chính và Kế toán

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 20 tháng 4 năm 2024

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT QUÝ
cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024

B 02a-CTQ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024 VND	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023 VND
01	1. Doanh thu		5.282.488.815	6.192.443.037
10	2. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	21	5.282.488.815	6.192.443.037
11	3. Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán	22	(3.965.691.439)	(2.256.087.085)
20	4. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		1.316.797.376	3.936.355.952
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	23	134.452.016.140	106.337.869.957
22	6. Chi phí hoạt động tài chính	24	(127.572.890.095)	(93.147.718.271)
25	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(3.557.714.623)	(1.460.683.426)
30	8. Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh		4.638.208.798	15.665.824.212
31	9. Thu nhập khác		-	17.803.174
32	10. Chi phí khác		(1.000)	-
40	11. Lợi nhuận khác		(1.000)	17.803.174
50	12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		4.638.207.798	15.683.627.386
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	26.2	(5.358.733.118)	(5.104.144.005)
52	14. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	26.3	4.444.770.598	2.022.002.776
60	15. Lợi nhuận sau thuế TNDN		3.724.245.278	12.601.486.157
	- LN sau thuế TNDN của Công ty mẹ		3.675.749.514	11.822.017.494
	- LN sau thuế TNDN của Cổ đông không kiểm soát		48.495.764	779.468.663
70	16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	27	294	946

Phạm Uyên Vy

Bà Phạm Uyên Vy
Người lập

Nguyễn Thị Anh Tú

Bà Nguyễn Thị Anh Tú
Kế toán trưởng



Ông Tô Quốc Tuấn
Giám đốc Tài chính và Kế toán

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 20 tháng 4 năm 2024

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

B 03a-CTQ

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT QUÝ
cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024 VND	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023 VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		4.638.207.798	15.683.627.386
	<i>Điều chỉnh:</i>			
02	1. Khấu hao tài sản cố định	8,9	105.951.680	5.363.082
03	2. Các khoản dự phòng		-	(1.378.596.696)
05	3. Lãi từ hoạt động đầu tư		(134.453.604.773)	(100.663.929.551)
06	4. Chi trả lãi vay		1.277.276.095	7.768.920.103
08	Lợi nhuận sử dụng vào hoạt động kinh doanh trước thay đổi của vốn lưu động		(128.432.169.200)	(78.584.615.676)
09	1. Tăng các khoản phải thu		(60.570.696.035)	(33.197.589.097)
11	2. Tăng các khoản phải trả		1.412.283.711.866	1.020.284.058.379
12	3. Tăng chi phí trả trước		(185.621.443)	(361.730.965)
13	4. Tiền lãi vay đã trả		(243.449.863)	(5.806.507.780)
14	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(8.393.176.489)	(3.953.016.659)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		1.214.458.598.836	898.380.598.202
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(82.499.999)	-
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(3.782.622.885.404)	(2.066.164.404.800)
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		2.335.420.667.506	988.169.820.076
25	4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(9.775.010.610)	(1.775.000.000)
26	5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		51.910.080.000	1.072.850.000
27	6. Lãi tiền gửi thu được		263.993.437.201	80.864.333.058
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(1.141.156.211.306)	(997.832.401.666)

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT QUÝ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024

B 03a-CTQ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024 VND	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023 VND
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		-	281.337.500.000
34	2. Tiền chi trả nợ gốc vay		(8.000.000.000)	(187.400.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(8.000.000.000)	93.937.500.000
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		65.302.387.530	(5.514.303.464)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	4	163.938.037.595	48.577.339.437
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	229.240.425.125	43.063.035.973



Bà Phạm Uyên Vy
Người lập


Bà Nguyễn Thị Anh Tú
Kế toán trưởng


Ông Tô Quốc Tuấn
Giám đốc Tài chính và Kế toán

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 20 tháng 4 năm 2024

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU HỢP NHẤT QUỸ
cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024

B 05a-CTQ

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số đầu kỳ		Số tăng/(giảm)				Số cuối kỳ	
		Ngày 01 tháng 01 năm 2023 VND	Ngày 01 tháng 01 năm 2024 VND	Kỳ trước		Kỳ này		Ngày 31 tháng 3 năm 2023 VND	Ngày 31 tháng 3 năm 2024 VND
				Tăng VND	Giảm VND	Tăng VND	Giảm VND		
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	19.1	125.000.000.000	125.000.000.000	-	-	-	-	125.000.000.000	125.000.000.000
2. Quỹ dự phòng tài chính	19.2	1.755.891.311	1.755.891.311	-	-	-	-	1.755.891.311	1.755.891.311
3. Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	19.2	1.755.891.311	1.755.891.311	-	-	-	-	1.755.891.311	1.755.891.311
4. Lợi nhuận chưa phân phối	19.2	181.781.691.011	275.313.370.463	11.822.017.494	-	3.675.749.514	(125.844.404.153)	193.603.708.505	153.144.715.824
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	20	21.785.697.029	36.607.629.737	779.468.663	-	48.495.764	(19.837.125.415)	22.565.165.692	16.819.000.086
TỔNG CỘNG		332.079.170.662	440.432.782.822	12.601.486.157	-	3.724.245.278	(145.681.529.568)	344.680.656.819	298.475.498.532



Bà Phạm Uyên Vy
Người lập



Bà Nguyễn Thị Anh Tú
Kế toán trưởng



Ông Tô Quốc Tuấn
Giám đốc Tài chính và Kế toán

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 20 tháng 4 năm 2024

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ
cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024

B 09a-CTQ

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt (“Công ty”), trước đây là Công ty Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán An Phúc, là một công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005793 ngày 26 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Công ty được cấp giấy phép thành lập và hoạt động công ty quản lý quỹ lần đầu số 15/UBCK-GPHĐQLQ ngày 28 tháng 12 năm 2006 và giấy phép điều chỉnh gần nhất số 66/GPĐC-UBCK cấp ngày 22 tháng 8 năm 2023 bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Ngày 13 tháng 10 năm 2022, Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất (lần thứ nhất) để đăng ký thay đổi mã số doanh nghiệp thành 0304756863 vào ngày 13 tháng 10 năm 2022.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt (“TVS”) được thành lập và hoạt động theo giấy phép số 36/UBCK-GPHĐKD ngày 25 tháng 12 năm 2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, đã mua 99,20% cổ phần của Công ty và trở thành công ty mẹ vào ngày 13 tháng 2 năm 2015. Tại ngày 19 tháng 11 năm 2020, TVS mua thêm 10.000.000 cổ phiếu phát hành riêng lẻ, tăng tỉ lệ sở hữu tại Công ty lên 99,84%.

Hoạt động chính của Công ty là thành lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán tại Việt Nam, tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư chứng khoán và quản lý danh mục đầu tư.

Công ty có trụ sở chính tại lầu 9, Tòa nhà Bitexco Nam Long, số 63A Võ Văn Tần, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 3 năm 2024 là 25 người (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 22 người).

Công ty con

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2024, Công ty có một (1) công ty con như sau:

<i>Công ty</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Hoạt động chính</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu</i>
Công ty cổ phần Finsight (“Finsight”)	Lầu 7, Tòa nhà Bitexco Nam Long, số 63A Võ Văn Tần, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Tư vấn đầu tư	91,37%

Ngoài ra, tại ngày 31 tháng 3 năm 2024, Công ty có một (1) bên liên quan, như sau:

<i>Công ty</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Hoạt động chính</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu</i>
Công ty cổ phần Camellia Wealth (“Camellia Wealth”) (*)	Lầu 7, Tòa nhà Bitexco Nam Long, số 63A Võ Văn Tần, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Tư vấn quản lý	35,50%

(*) Finsight đầu tư 64,00% vào Camellia Wealth

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ Kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất quý của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các chính sách kế toán được quy định tại Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 9 năm 2011 của Bộ tài chính về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC Ngày 31 tháng 3 năm 2001 về việc ban hành và công bố 4 Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC Ngày 31 tháng 3 năm 2002 về việc ban hành và công bố 6 Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành và công bố 6 Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành và công bố 6 Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành và công bố 4 Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất quý được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất quý, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất quý và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất quý theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Nhóm Công ty là Nhật ký chung.

2.3 *Kỳ kế toán*

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Nhóm Công ty cũng lập báo cáo tài chính hợp nhất năm và giữa niên độ theo quy định của Thông tư 99/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 16 tháng 11 năm 2020.

2.4 *Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Nhóm Công ty là đồng Việt Nam ("VND").

2.5 *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất quý bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và công ty con cho kỳ báo cáo ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024

B 09a-CTQ

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

2.5 Cơ sở hợp nhất (tiếp theo)

Số dư các tài khoản trên báo cáo tình hình tài chính giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất quý và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất quý.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Các thay đổi trong chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Nhóm Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất quý được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 và báo cáo tài chính hợp nhất quý cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023.

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.3 Các khoản đầu tư

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc.

Đầu tư tài chính ngắn hạn

Đầu tư tài chính ngắn hạn là các khoản đầu tư vào những chứng khoán nhằm mục đích kinh doanh ("chứng khoán thương mại").

Chứng khoán thương mại là những chứng khoán có thời hạn thu hồi không quá một năm hoặc mua vào, bán ra chứng khoán để kiếm lời. Chứng khoán thương mại được ghi nhận theo giá thực tế mua chứng khoán (giá gốc), bao gồm: Giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng.

Đầu tư tài chính dài hạn khác

Chứng khoán và đầu tư vào công ty khác được lập dự phòng giảm giá theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 08 tháng 8 năm 2019 hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp ("Thông tư 48") và Thông tư số 24/2022/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 07 tháng 4 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 48/2019/TT-BTC ("Thông tư 24").

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng quý trên khoản mục "*Chi phí tài chính*".

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất quý theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đang mắc bệnh hiểm nghèo (có xác nhận của bệnh viện) hoặc đã chết hoặc khoản nợ đã được doanh nghiệp khởi kiện đòi nợ nhưng bị đình chỉ giải quyết vụ án.

Mức trích lập dự phòng đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08 tháng 8 năm 2019 như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản. Các chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất quý khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất quý.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất quý khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất quý.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024

B 09a-CTQ

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 *Khấu hao*

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Phương tiện vận tải	6 năm
Máy móc thiết bị	3 năm
Phần mềm	5 năm

3.7 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất quý và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

3.8 *Các khoản phải trả và chi phí trích trước*

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến lãi trái phiếu chuyển đổi, hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.9 *Lợi ích của nhân viên*

3.9.1 *Trợ cấp nghỉ hưu*

Nhân viên Nhóm Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Nhóm Công ty sẽ phải đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 17,5% lương cơ bản hàng tháng, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác. Ngoài ra, Công ty không phải có một nghĩa vụ nào khác.

3.9.2 *Trợ cấp thôi việc*

Theo Điều 46 Bộ Luật Lao động số 45/2019/QH14 có hiệu lực ngày 01 tháng 01 năm 2021. Nhóm Công ty có nghĩa vụ chi trả trợ cấp thôi việc bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 cộng với các trợ cấp khác (nếu có) cho những nhân viên tự nguyện thôi việc. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, mức lương bình quân tháng được tính để thanh toán trợ cấp thôi việc sẽ căn cứ theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm người lao động thôi việc.

3.9.3 *Trợ cấp thất nghiệp*

Theo Thông tư số 28/2015/TT-BLĐTBXH hướng dẫn thực hiện Điều 52 của Luật Việc làm và một số điều của Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp. Nhóm Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Phí quản lý

Doanh thu được ghi nhận trên cơ sở dồn tích theo các điều kiện, điều khoản của hợp đồng quản lý đầu tư.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Doanh thu tư vấn đầu tư chứng khoán

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

3.11 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất quý ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất quý.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán quý và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán quý mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

3.12 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp từ phát hành cổ phiếu được ghi vào tài khoản vốn điều lệ theo mệnh giá.

Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Các quỹ được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp thường niên toàn Công ty.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất quý, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất quý, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Nhóm Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Các tài sản tài chính của Nhóm Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, phải thu từ hoạt động quản lý quỹ và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất quý, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất quý, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Nhóm Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Nợ phải trả tài chính của Nhóm Công ty bao gồm các khoản chi phí phải trả và phải trả khác.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo nguyên giá.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ nếu, và chỉ nếu, Nhóm Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

3.14 Các khoản mục không có số dư

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất quý này theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 và Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành là các khoản mục không có số dư.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024

B 09a-CTQ

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Ngày 31 tháng 3 năm 2024 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND
Tiền mặt	97.338.581	22.586.802
Tiền gửi không kì hạn	26.143.086.544	63.915.450.793
Tiền gửi có kì hạn không quá ba (3) tháng	203.000.000.000	100.000.000.000
	229.240.425.125	163.938.037.595

5. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

	Ngày 31 tháng 3 năm 2024 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND
Chứng chỉ quỹ niêm yết	33.325.000.000	33.325.000.000
Quỹ đầu tư tăng trưởng Thiên Việt 3	13.125.000.000	13.125.000.000
Quỹ đầu tư tăng trưởng Thiên Việt 5	20.200.000.000	20.200.000.000
Cổ phiếu chưa niêm yết	430.058.472.164	430.058.472.164
Công ty cổ phần Galaxy Education (*)	250.791.122.337	250.791.122.337
Công ty Cổ Phần Finhay Việt Nam	134.359.409.660	134.359.409.660
Công ty cổ phần Giải trí và giáo dục Galaxy	29.632.968.000	29.632.968.000
Công ty Cổ phần Công nghệ NAMI	15.274.972.167	15.274.972.167
Trái phiếu niêm yết	10.903.960.000	320.058.859.452
Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt	-	199.901.369.041
Trái phiếu niêm yết khác	10.903.960.000	120.157.490.411
Trái phiếu không niêm yết	770.185.749.809	768.273.954.672
Chứng chỉ tiền gửi	2.586.606.210.608	1.765.864.864.784
Hợp đồng tiền gửi	2.349.320.069.862	1.771.820.234.246
Các khoản đầu tư ngắn hạn khác	78.099.426.000	14.000.000.000
	6.258.498.888.443	5.103.401.385.318

(*) Khoản đầu tư vào cổ phần của Công ty Cổ phần Galaxy Education bao gồm: cổ phần sở hữu bởi Công ty Cổ phần Finsight (công ty con gián tiếp) trị giá 230.091.122.337 trong đó vốn đầu tư của công ty con là 80.047.209.317 Đồng và vốn góp nhận hợp tác kinh doanh từ đối tác là 150.043.913.020 Đồng; và cổ phần sở hữu bởi Công ty Cổ phần Camellia Wealth (công ty con gián tiếp) trị giá 20.700.000.000 Đồng.

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

6.1 Phải thu hoạt động nghiệp vụ

	Ngày 31 tháng 3 năm 2024 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND
Phải thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư	9.858.871.457	13.707.806.101

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024

B 09a-CTQ

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN (tiếp theo)

6.2 Các khoản phải thu khác

	Ngày 31 tháng 3 năm 2024 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND
Lãi dự thu tiền gửi và trái phiếu	251.332.304.180	220.583.867.355
Phải thu từ đối tác trung tâm thanh toán	20.357.950.150	114.187.711.101
Phải thu khác	1.319.475.239	2.508.063.114
	273.009.729.569	337.279.641.570

7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	Ngày 31 tháng 3 năm 2024 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND
Phí bảo hiểm	39.342.711	10.364.999
Phí thuê bao dữ liệu phần mềm	11.733.000	27.516.000
Khác	214.488.528	98.567.631
	265.564.239	136.448.630

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	<i>Phương tiện vận tải</i> VND	<i>Máy móc thiết bị</i> VND	<i>Tổng cộng</i> VND
Nguyên giá			
Số đầu kỳ	1.201.950.000	64.357.000	1.266.307.000
Mua trong kỳ	-	32.499.999	32.499.999
Số cuối kỳ	1.201.950.000	96.856.999	1.298.806.999
Khấu hao lũy kế			
Số đầu kỳ	45.234.677	43.260.416	88.495.093
Khấu hao trong kỳ	50.081.250	7.809.319	57.890.569
Số cuối kỳ	95.315.927	51.069.735	146.385.662
Giá trị còn lại			
Số đầu kỳ	1.156.715.323	21.096.584	1.177.811.907
Số cuối kỳ	1.106.634.073	45.787.264	1.152.421.337

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024

B 09a-CTQ

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Phần mềm</i> <i>VND</i>
Nguyên giá	
Số đầu kỳ	739.000.000
Mua trong kỳ	50.000.000
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang sang	217.000.000
Số cuối kỳ	1.006.000.000
Hao mòn lũy kế	
Số đầu kỳ	12.316.667
Khấu hao trong kỳ	48.061.111
Số cuối kỳ	60.377.778
Giá trị còn lại	
Số đầu kỳ	726.683.333
Số cuối kỳ	945.622.222

10. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	<i>Ngày 31 tháng 3</i> <i>năm 2024</i> <i>VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12</i> <i>năm 2023</i> <i>VND</i>
Đầu tư trái phiếu	1.215.880.413.816	1.216.484.790.000
<i>Đầu tư trái phiếu TCTD</i>	<i>1.015.880.413.816</i>	<i>1.016.484.790.000</i>
<i>Đầu tư trái phiếu doanh nghiệp</i>	<i>200.000.000.000</i>	<i>200.000.000.000</i>
Chứng chỉ tiền gửi	392.733.287.700	277.733.287.700
Tiền gửi có kỳ hạn	315.000.000.000	215.000.000.000
Đầu tư dài hạn khác	210.575.000.000	200.000.000.000
	2.134.188.701.516	1.909.218.077.700

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	<i>Ngày 31 tháng 3</i> <i>năm 2024</i> <i>VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12</i> <i>năm 2023</i> <i>VND</i>
Công cụ, dụng cụ	310.154.603	261.906.139
Phần mềm dùng cho server	63.068.378	72.871.754
Chứng thư số công cộng	46.350.040	50.828.668
Đồng phục nhân viên	-	3.300.000
Cước dịch vụ internet	26.993.087	-
Khác	10.431.255	11.584.968
	456.997.363	400.491.529

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024

B 09a-CTQ

12. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

	<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2024</i> VND	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i> VND
Đặt cọc tiền thuê văn phòng	120.000.000	120.000.000
Đặt cọc taxi	20.000.000	15.000.000
Đặt cọc phí lưu ký	15.392.645	33.308.397
Khác	17.900.000	1.000.000
	173.292.645	169.308.397

13. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2024</i> VND	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i> VND
<i>Vay ngắn hạn</i>		
Vay cá nhân	-	8.000.000.000
<i>Vay dài hạn</i>		
Vay cá nhân	83.470.000.000	83.470.000.000

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2024</i> VND	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i> VND
Phải trả mua cổ phần, trái phiếu	101.600.431.654	47.550.431.654
Phí quản lý phải trả	10.656.344.139	27.850.897.770
	112.256.775.793	75.401.329.424

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<i>Ngày 01 tháng 01 năm 2024</i> VND	<i>Số phải nộp trong kỳ</i> VND	<i>Số đã nộp trong kỳ</i> VND	<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2024</i> VND
Phải thu				
Thuế GTGT đầu vào	69.488.009	300.179.588	(213.889.164)	155.778.433
Phải trả				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.393.176.491	5.358.733.118	(8.393.176.489)	5.358.733.120
Thuế thu nhập cá nhân	5.696.866.451	6.777.043.428	(10.549.025.436)	1.924.884.443
Thuế môn bài	-	9.000.000	(9.000.000)	-
	14.090.042.942	12.144.776.546	(18.951.201.925)	7.283.617.563

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024

B 09a-CTQ

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2024 VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND</i>
Phí dịch vụ	29.654.231.244	1.522.915.184
Chi phí lãi vay	6.922.774.374	4.887.991.636
khác	285.117.197	317.200.000
	36.862.122.815	6.728.106.820

17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2024 VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND</i>
Phải trả ngắn hạn khác		
Phải trả đối tác theo BCC chia lợi nhuận cố định	7.979.778.364.963	6.669.946.202.116
Phải trả đối tác theo BCC chia lợi nhuận theo kết quả kinh doanh	155.957.378.661	160.687.878.661
Phải trả cổ tức	130.101.520.000	-
Phải trả khác	47.287.000	27.613.000
	8.265.884.550.624	6.830.661.693.777
Phải trả dài hạn khác		
Phải trả đối tác theo BCC chia lợi nhuận theo kết quả kinh doanh	100.000.000.000	100.000.000.000
	8.365.884.550.624	6.930.661.693.777

18. QUỸ KHEN THƯỞNG PHÚC LỢI

	<i>Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024 VND</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023 VND</i>
Số đầu kỳ	5.671.167.193	5.671.167.193
Trích lập trong kỳ	8.830.009.569	-
Số cuối kỳ	14.501.176.762	5.671.167.193

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024

B 09a-CTQ

19. VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

19.1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Ngày 31 tháng 3 năm 2024		Ngày 31 tháng 12 năm 2023	
	Vốn góp VND	Tỷ lệ sở hữu %	Vốn góp VND	Tỷ lệ sở hữu %
Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt	124.800.000.000	99,84	124.800.000.000	99,84
Nguyễn Thanh Thảo	100.000.000	0,08	100.000.000	0,08
Lê Quang Tiến	100.000.000	0,08	100.000.000	0,08
	125.000.000.000	100,00	125.000.000.000	100,00

Mệnh giá của mỗi cổ phiếu phổ thông của Công ty là 10.000 VND.

19.2 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu trong kỳ

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Ngày 01 tháng 01 năm 2024	125.000.000.000	1.755.891.311	1.755.891.311	275.313.370.463	36.607.629.737	440.432.782.822
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	3.675.749.514	48.495.764	3.724.245.278
Điều chỉnh NCI do thay đổi tỷ lệ sở hữu	-	-	-	(14.394.584)	(6.735.605.415)	(6.749.999.999)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	-	-	(8.830.009.569)	-	(8.830.009.569)
Chia cổ tức	-	-	-	(117.000.000.000)	(13.101.520.000)	(130.101.520.000)
Ngày 31 tháng 3 năm 2024	125.000.000.000	1.755.891.311	1.755.891.311	153.144.715.824	16.819.000.086	298.475.498.532

(*) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên ngày 27 tháng 3 năm 2024, Công ty đã thông qua việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi là 8.830.009.569 Đồng, tương đương 7% lợi nhuận sau thuế.



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024

B 09a-CTQ

20. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

	<i>Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024</i> VND	<i>Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023</i> VND
Số đầu kỳ	36.607.629.737	21.785.697.029
Chia cổ tức	(13.101.520.000)	-
Điều chỉnh thay đổi tỷ lệ sở hữu	(6.735.605.415)	-
Lợi nhuận chia cho cổ đông không kiểm soát	48.495.764	779.468.663
Số cuối kỳ	16.819.000.086	22.565.165.692

21. DOANH THU THUẦN VỀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	<i>Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024</i> VND	<i>Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023</i> VND
Phí quản lý danh mục đầu tư	3.585.558.011	5.146.572.973
Phí quản lý quỹ	1.696.930.804	964.307.053
Phí quản lý đầu tư chứng khoán	-	81.563.011
	5.282.488.815	6.192.443.037

22. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	<i>Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024</i> VND	<i>Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023</i> VND
Chi phí nhân viên	3.435.118.392	1.873.065.910
Chi phí thuê văn phòng	118.255.254	144.534.198
Chi phí dịch vụ mua ngoài	50.796.662	22.313.754
Chi phí đồ dùng văn phòng	40.230.818	52.460.560
Chi phí khấu hao	33.238.402	2.796.666
Chi phí bằng tiền khác	288.051.911	160.915.997
	3.965.691.439	2.256.087.085

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<i>Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024</i> VND	<i>Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023</i> VND
Thu nhập lãi	130.453.654.158	104.392.308.114
Lãi từ bán các khoản đầu tư tài chính	2.062.941.854	366.766.688
Lãi kinh doanh hợp đồng phái sinh	1.935.420.128	988.422.501
Cổ tức	-	590.372.654
	134.452.016.140	106.337.869.957

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024

B 09a-CTQ

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024 VND</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023 VND</i>
Chi phí hoạt động hợp tác đầu tư	125.156.579.783	86.459.202.630
Chi phí lãi vay	2.291.045.752	7.768.920.103
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	-	(1.378.596.696)
Các chi phí tài chính khác	125.264.560	298.192.234
	127.572.890.095	93.147.718.271

25. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024 VND</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023 VND</i>
Chi phí nhân viên quản lý	1.955.366.054	785.129.941
Chi phí dịch vụ mua ngoài	886.838.332	396.760.142
Chi phí khấu hao	72.713.278	2.566.416
Chi phí đồ dùng văn phòng	18.439.690	29.109.172
Thuế, phí và lệ phí	11.321.750	8.203.610
Chi phí khác	613.035.519	238.914.145
	3.557.714.623	1.460.683.426

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Nhóm Công ty tạm tính nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") với mức thuế suất là 20% lợi nhuận tính thuế trong kỳ theo Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014.

Các báo cáo thuế của Nhóm Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất quý có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

26.1 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất quý vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ trước và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán quý.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024

B 09a-CTQ

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

26.2 Chi phí Thuế TNDN hiện hành

	Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024 VND	Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023 VND
Lợi nhuận thuần trước thuế	4.638.207.798	15.683.627.386
Thuế TNDN tạm tính 20%	927.641.560	3.136.725.477
Ảnh hưởng của việc hợp nhất báo cáo tài chính	(17.733.167)	-
Các khoản điều chỉnh tăng	4.448.824.725	1.537.738.433
- Điều chỉnh tăng doanh thu lãi chứng khoán kinh doanh	4.444.770.598	1.537.738.433
- Điều tăng chi phí không được trừ	4.054.127	-
Điều chỉnh số thuế TNDN nộp thiếu của năm trước	-	429.680.095
Chi phí thuế TNDN ước tính	5.358.733.118	5.104.144.005

26.3 Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Thay đổi tài sản thuế TNDN hoãn lại và ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất quý của Nhóm Công ty như sau:

	Bảng cân đối kế toán hợp nhất quý		Ảnh hưởng đến báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất quý	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2024 VND	Ngày 01 tháng 01 năm 2024 VND	Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024 VND	Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023 VND
Tài sản thuế TNDN hoãn lại				
Doanh thu lãi chứng khoán kinh doanh	5.991.576.217	1.546.805.619		
Chi phí thuế TNDN hoãn lại tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất quý			4.444.770.598	2.022.002.776

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024

B 09a-CTQ

27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng số lãi thuần phân bổ cho các cổ đông của Công ty chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ. Thông tin sau được sử dụng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu của Công ty:

	<i>Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024 VND</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023 VND</i>
Lãi thuần phân bổ cho các cổ đông của Nhóm Công ty (<i>đồng</i>)	3.675.749.514	11.822.017.494
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (<i>cổ phiếu</i>)	12.500.000	12.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (<i>đồng/cổ phiếu</i>)	294	946

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024 VND</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023 VND</i>
Công ty cổ phần chứng khoán Thiên Việt	Thu phí quản lý danh mục đầu tư	1.773.036.240	1.570.236.954
	Phí giao dịch, lưu ký	1.023.750	1.136.610
	Phí môi giới	-	44.788.000
	Giao dịch chứng khoán	120.900.021.220	59.265.936.000
	Giao dịch trái phiếu	-	205.391.780.800
	Chia cổ tức	129.442.800.000	-
Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 3	Thu phí quản lý Quỹ	614.440.228	476.039.979
Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 4	Thu phí quản lý Quỹ	607.225.076	488.267.074
Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 5	Thu phí quản lý Quỹ	475.265.500	-
Ban lãnh đạo TVS	Trả vay	-	17.000.000.000
	Chi phí lãi vay	1.175.602.018	3.653.958.182

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024

B 09a-CTQ

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024</i> VND	<i>Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023</i> VND
Ban lãnh đạo Finsight			
	Mua tài sản tài chính ngắn hạn	93.599.426.000	138.500.000.000
	Bán tài sản tài chính ngắn hạn	25.500.000.000	73.500.000.000
	Doanh thu lãi	631.917.807	1.007.452.053
	Vay	-	71.337.500.000
	Trả vay	-	63.700.000.000
	Chi phí lãi vay	-	201.891.097
Lương của Ban Giám đốc			
	Lương, phụ cấp và thù lao	529.300.000	333.300.000

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2024 số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2024</i> VND	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i> VND
Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt			
	Phải thu bán tài sản tài chính	5.164.930.610	-
	Phải trả cổ tức	129.442.800.000	-
	Phải trả mua tài sản tài chính	101.600.431.654	47.550.431.654
Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 3			
	Đầu tư ngắn hạn	13.125.000.000	13.125.000.000
	Thu phí quản lý và phí thưởng quản lý Quỹ	-	475.470.100
Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 4			
	Thu phí quản lý và phí thưởng quản lý Quỹ	-	3.434.331.680
Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 5			
	Đầu tư ngắn hạn	20.200.000.000	20.200.000.000
Ban lãnh đạo TVS			
	Vay ngắn hạn	83.470.000.000	83.470.000.000
	Phải trả ngắn hạn khác	155.957.378.661	156.867.378.660
	Phải trả dài hạn khác	100.000.000.000	100.000.000.000
Ban lãnh đạo Finsight			
	Tài sản tài chính ngắn hạn	68.099.426.000	-

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024

B 09a-CTQ

29. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024 VND	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND
Số dư đầu kỳ	69.243.503.425	161.155.734.592
Tăng trong kỳ	1.934.975.767.987	5.109.483.856.090
Giảm trong kỳ	(1.679.673.411.935)	(5.201.396.087.257)
Số cuối kỳ	324.545.859.477	69.243.503.425

30. DANH MỤC ĐẦU TƯ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC TRONG NƯỚC

	Ngày 31 tháng 3 năm 2024 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND
Cổ phiếu niêm yết và đăng ký giao dịch	871.257.778.324	610.609.959.065
<i>Trong đó, các cổ phiếu bị suy giảm giá trị:</i>	<i>224.882.598.950</i>	<i>261.778.119.825</i>
TCI	2.334.000.000,00	-
VNM	83.697.180.000	74.128.259.925
VPB	30.629.272.000	37.091.735.200
POW	25.628.504.000	32.618.096.000
VCI	9.496.999.500	-
TCB	-	44.661.630.300
PVP	-	11.646.700.000
DPR	-	7.559.578.400
Cổ phiếu khác	73.096.643.450	54.072.120.000
<i>Cổ phiếu không bị suy giảm giá trị</i>	<i>646.375.179.374</i>	<i>348.831.839.240</i>
Cổ phiếu chưa niêm yết	48.864.839.122	50.476.459.122
Chứng chỉ quỹ niêm yết	146.544.463.199	157.311.905.942
Chứng chỉ quỹ chưa niêm yết	86.141.712.513	108.285.560.054
Trái phiếu niêm yết	5.999.973.699	55.020.509.500
Trái phiếu chưa niêm yết	209.576.100.000	382.107.957.142
Trái phiếu riêng lẻ	50.444.329.690	-
Chứng chỉ tiền gửi	552.076.674.459	475.454.822.606
Hợp đồng tiền gửi	325.000.000.000	506.000.000.000
	2.295.905.871.006	2.345.267.173.431

31. CÁC KHOẢN PHẢI THU CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	Ngày 31 tháng 3 năm 2024 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND
Phải thu lãi tiền gửi	57.470.260.465	71.304.458.766
Phải thu khác, tài sản khác	50.000.000.000	1.495.439.987
Phải thu bán chứng khoán	10.435.186.786	12.569.630.404
Phải thu cổ tức	1.089.000.000	2.421.650.000
	118.994.447.251	87.791.179.157

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024

B 09a-CTQ

32. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	Ngày 31 tháng 3 năm 2024 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND
Phải trả tiền mua chứng khoán	8.167.000.000	5.821.500.000
Phải trả phí quản lý danh mục	9.858.866.437	9.798.004.321
Phải trả phí khác	83.843.523	74.626.616
	18.109.709.960	15.694.130.937

33. CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê văn phòng và nhà theo hợp đồng thuê hoạt động. Tại ngày 31 tháng 3 năm 2024, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Ngày 31 tháng 3 năm 2024 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND
Dưới 1 năm	2.817.271.630	2.867.530.900
Từ 1 năm đến 5 năm	893.201.473	1.080.000.000
	3.710.473.103	3.947.530.900

34. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Nhóm Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Nhóm Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Điều hành liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Điều hành xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

34.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty. Đây là các khoản đầu tư ngắn hạn và không được Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024 vì các khoản tiền gửi của Công ty có lãi suất cố định.

34. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

34.1 Rủi ro thị trường (tiếp theo)

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Nhóm Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Nhóm Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Nhóm Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

34.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng.

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

34.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Nhóm Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Nhóm Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Nhóm Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Điều hành cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Nhóm Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024

B 09a-CTQ

34. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

34.3 Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Nhóm Công ty:

	<i>Bất kỳ thời điểm nào VND</i>	<i>Dưới 3 tháng VND</i>	<i>Từ 3 tháng đến dưới 1 năm VND</i>	<i>Từ 1 năm đến 5 năm VND</i>	<i>Trên 5 năm VND</i>	<i>Tổng cộng VND</i>
Ngày 31 tháng 3 năm 2024						
Tài sản tài chính						
Tiền và các khoản tương đương tiền	26.143.086.544	203.000.000.000	-	-	-	229.143.086.544
Đầu tư ngắn hạn	463.383.472.164	1.288.418.576.067	2.964.882.962.355	772.948.653.200	768.865.224.657	6.258.498.888.443
Phải thu hoạt động nghiệp vụ	-	9.858.871.457	-	-	-	9.858.871.457
Phải thu khác	-	25.932.360.117	252.651.779.419	-	-	278.584.139.536
Đầu tư dài hạn	-	-	-	1.432.703.911.516	701.484.790.000	2.134.188.701.516
Tài sản dài hạn khác	-	-	-	120.000.000	53.292.645	173.292.645
	489.526.558.708	1.527.209.807.641	3.217.534.741.774	2.205.772.564.716	1.470.403.307.302	8.910.544.318.722
Nợ phải trả tài chính						
Vay dài hạn	-	-	-	83.470.000.000	-	83.470.000.000
Phải trả người bán	-	112.256.775.793	-	-	-	112.256.775.793
Chi phí phải trả	-	36.862.122.815	-	-	-	36.862.122.815
Nợ phải trả tài chính khác	-	-	8.265.884.550.624	100.000.000.000	-	8.365.884.550.624
	-	149.118.898.608	8.265.884.550.624	183.470.000.000	-	8.598.473.449.232

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024

B 09a-CTQ

35. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất Quý của Công ty:

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2024 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND	Ngày 31 tháng 3 năm 2024 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	229.143.086.544	163.915.450.793	229.240.425.125	163.915.450.793
Đầu tư ngắn hạn	6.258.498.888.443	5.203.401.385.318	6.266.298.888.443	5.210.201.385.318
Phải thu hoạt động nghiệp vụ	9.858.871.457	13.707.806.101	9.858.871.457	13.707.806.101
Phải thu khác	278.584.139.536	381.474.307.991	278.584.139.536	381.474.307.991
Đầu tư dài hạn	2.134.188.701.516	1.909.218.077.700	2.134.188.701.516	1.909.218.077.700
Tài sản tài chính dài hạn khác	173.292.645	169.308.397	173.292.645	169.308.397
	8.910.446.980.141	7.671.886.336.300	8.918.344.318.722	7.671.886.336.300
Nợ phải trả tài chính				
Vay ngắn hạn	-	8.000.000.000	-	8.000.000.000
Vay và nợ dài hạn	83.470.000.000	83.470.000.000	83.470.000.000	83.470.000.000
Phải trả người bán	112.256.775.793	75.401.329.424	112.256.775.793	75.401.329.424
Chi phí phải trả	36.862.122.815	6.728.106.820	36.862.122.815	6.728.106.820
Nợ phải trả tài chính khác	8.365.884.550.624	6.930.661.693.777	8.365.884.550.624	6.930.661.693.777
	8.598.473.449.232	7.104.261.130.021	8.598.473.449.232	7.104.261.130.021

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu từ hoạt động nghiệp vụ, phải thu khác, chi phí phải trả tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do chủ yếu những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 3 năm 2024 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

36. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỶ KẾ TOÁN.


Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán hợp nhất Quý yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất Quý.



Bà Phạm Uyên Vy
Người lập



Bà Nguyễn Thị Anh Tú
Kế toán trưởng



Ông Tô Quốc Tuấn
Giám đốc Tài chính và Kế toán

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 20 tháng 4 năm 2024